

**BẢNG 1 : TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VCB**

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
1.	Điều 1 khoản 1 điểm b	b. “Luật các Tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.	b.“Luật các Tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số <b>32/2024/QH15</b> được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua <b>ngày 18 tháng 1 năm 2024</b> và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.	Cập nhật Luật các TCTD năm 2024
2.	Điều 1 Khoản 1 Điểm h	- “ <i>Người điều hành</i> ” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng.	- “ <i>Người điều hành</i> ” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh, <del>Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở</del> <b>chính</b> của Ngân hàng.	- Bộ “Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc/ Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính” để phù hợp với định hướng công tác quản lý cán bộ và Điều 4.25 Luật các TCTD
3.	Điều 1 Khoản 1 Điểm i	i. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:  (i) Không phải là người đang làm việc cho <b>chính</b> Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc	i. “Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:  (i) Không phải là người đang làm việc cho <del>chính</del> Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 41, Khoản 2 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>(ii) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>(iii) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>(iv) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>(v) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó</p>	<p>(ii) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản <b>phụ cấp thù lao</b> của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>(iii) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc <b>kiểm soát viên</b>, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>(iv) <del>Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.</del> <b>Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.</b></p> <p>(v) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.</p>	
4.	Điều 1 Khoản 1	<p>j. “Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p><del>j. “Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.</del></p> <p>k. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên</p>	Do các khái niệm này ít được sử dụng tại văn bản.



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
	Điểm j Điểm k	k. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.	Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.  Bỏ nội dung này	
5.	Điều 1 khoản 1 điểm m	m. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:  (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;  (ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;	k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:  (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; <b>công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại</b> ; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; <b>tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại</b> ; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; <b>các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau</b> ; người quản lý, <b>kiểm soát viên</b> , thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;  (ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, <b>kiểm soát viên</b> , thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;	Điều chỉnh phù hợp với Điều 4.24 Luật các TCTD năm 2024:

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		(iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;	(iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;	
		(iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;	(iv) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; mẹ, con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột của người này;	
		(v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;	(v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có <b>mối quan hệ</b> theo quy định tại điểm (iv) khoản này của <b>với</b> người quản lý, <b>kiểm soát viên</b> , thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.	(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện <b>phần vốn góp</b> cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.	
		(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.	(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát <del>đối với từng trường hợp cụ thể.</del>	
6.	Điều 1 khoản 1 điểm v	v. " <del>Đề cử</del> " là việc cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu bản thân mình hoặc đại diện của tổ chức mình hoặc cá nhân khác hoặc đại diện của tổ chức khác vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này	v. " <del>Đề cử</del> " là việc <del>cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu bản thân mình hoặc đại diện của tổ chức mình hoặc cá nhân khác hoặc đại diện của tổ chức khác vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này</del>	Điều chỉnh phù hợp với khoản 9, Điều 61 Luật các TCTD
7.	Điều 1 khoản 1 điểm y	y. "Công ty con" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50%	v. "Công ty con" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% <del>vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn số cổ phần</del>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 4.9 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;	có quyền biểu quyết của công ty đó;	
		(ii) Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bỏ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;	(ii) Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bỏ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty <b>đó</b> con;	
		(iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;	(iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty <b>đó</b> con;	
		(iv) Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.	(iv) Ngân hàng <b>hoặc Ngân hàng</b> và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp <b>hoặc</b> hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con <b>đó</b> .	
8.	Điều 1 khoản 1 điểm z	z. "Công ty liên kết" là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.	w. "Công ty liên kết" là công ty <del>trong đó mà</del> Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 4.11 Luật các TCTD năm 2024
9.	Điều 7 Khoản 4	<b>Điều 7. Hoạt động ngân hàng thương mại</b> 4. Các dịch vụ ngân hàng thương mại khác:	Bổ sung: <b>"- Kinh doanh vàng miếng."</b>	Điều 2 Quyết định số 1016/QĐ-NHNN ngày 29/5/2024 yêu cầu VCB sửa đổi bổ sung Điều lệ phù hợp với thay đổi đã được chấp





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
				nhận.
10.	Điều 8 Khoản 1	<p><b>Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Ngân hàng thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của Pháp luật.</p>	<p><b>Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Ngân hàng thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức <b>phải</b> thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của Pháp luật.</p>	Cập nhật theo quy định tại Điều 111.2 Luật các TCTD.
11.	Điều 8 khoản 2	<p>2. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, <b>kinh doanh ngoại hối</b>, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p>	<p>2. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, <del>kinh doanh ngoại hối</del>, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 111.3 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
12.	Điều 8 khoản 3	<p>3. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.</p>	<p>3. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, <del>kinh doanh ngoại hối</del>, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này <b>sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 111.4 Luật các TCTD năm 2024
13.	Điều 8 khoản 4	<p>4. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ <b>cổ phiếu</b> của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>4. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ <b>cổ phần</b> của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của <b>Thống đốc</b> Ngân hàng Nhà nước.</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 111.8 Luật các TCTD năm 2024
14.	Điều 8	Không có	<p><b>5. Ngân hàng thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</b></p>	Bổ sung để phù hợp với Điều 111.5 Luật các TCTD năm 2024
15.	Điều 9	<p>Điều 9. Bảo hiểm</p> <p>VCB thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật: - Bảo hiểm nhân thọ, - Bảo hiểm phi nhân thọ, - Tái bảo hiểm và, - Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của</p>	<p>Điều 9. Bảo hiểm</p> <p>Ngân hàng phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm và phải tuân thủ khoản 5 Điều 8 Điều lệ.</p> <p><del>VCB thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo</del></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 111.2 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		pháp luật.	quy định của pháp luật: – Bảo hiểm nhân thọ, – Bảo hiểm phi nhân thọ, – Tái bảo hiểm và, – Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật	
16.	Điều 10	<p>Điều 10. Các hoạt động khác</p> <p>Căn cứ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác bao gồm các lĩnh vực nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật;</li> <li>- Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;</li> <li>- Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh <b>chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;</b></li> <li>- Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn <b>03</b> năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật các</li> </ul>	<p>Điều 10. Các hoạt động khác</p> <p>Căn cứ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác bao gồm các lĩnh vực nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật;</li> <li>- Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;</li> <li>- Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh <b>thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết;</b></li> <li>- Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn <b>05</b> 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. <b>Trường hợp mua lại bất động sản phải để bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 139 Luật các Tổ chức tín dụng</b> và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại <b>khoản 3 Điều 144</b> 140 của Luật các Tổ chức tín dụng; và</li> <li>- Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.</li> </ul>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 139, Điều 144 Luật các TCTD năm 2024.

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		Tổ chức tín dụng; và - Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.		
17.	Điều 12	Điều 12. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng 1. Ngân hàng áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.	Điều 12. Áp dụng <del>điều ước quốc tế và tập quán</del> <b>thương mại quốc tế</b> trong hoạt động ngân hàng <del>1. Ngân hàng áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.</del>	- Điều chỉnh phù hợp với Điều 3 Luật các TCTD năm 2024 - Bỏ “khách hàng” vì VCB có thể làm việc với các đối tác nước ngoài (mà chưa phải là khách hàng sử dụng dịch vụ của VCB) thì vẫn cần áp dụng các tập quán thương mại.
		2. Ngân hàng có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.	Ngân hàng có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán <b>thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành; tập quán thương mại khác không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật của Việt Nam.</b> <del>nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.</del>	
18.	Điều 18 khoản 3 điểm a	a. Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp	a. Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết <b>số tiền tương ứng</b> với số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của <b>Ngân hàng;</b> <del>trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.</del>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 65 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		thuận trước bằng văn bản.		
19.	Điều 20 khoản 6	6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.	6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện <b>phần vốn góp tại Ngân hàng</b> là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. <b>Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 64.1 Luật các TCTD năm 2024
20.	Điều 20 khoản 7	7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:	7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả <b>do trách nhiệm cá nhân</b> theo nghị quyết, <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước <del>do trách nhiệm cá nhân</del> , thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:	Điều chỉnh phù hợp với Điều 64.2 Luật các TCTD năm 2024
		a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;	a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;	b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo <b>bản án</b> , quyết định của Tòa án <b>đã có hiệu lực pháp luật</b> ;	
		c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án <b>ơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</b> .	c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án <b>phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt</b> .	
21.	Điều 22	Điều 22. Giới hạn sở hữu cổ phần 1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.	Điều 22. Giới hạn sở hữu cổ phần 1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu <b>cổ phần</b> vượt quá 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 63 Luật các TCTD năm 2024
		2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp sau đây: a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án <b>ơ cấu lại</b> được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của Ngân hàng tại Công ty con, Công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật các Tổ chức tín dụng;	2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu <b>cổ phần</b> vượt quá <b>10%</b> vốn điều lệ của Ngân hàng, <del>trừ các trường hợp sau đây:</del> a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án <b>ơ cấu lại</b> được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của Ngân hàng tại Công ty con, Công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật các Tổ chức tín dụng; b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại Ngân hàng; c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản	





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật các Tổ chức tín dụng.</p>	<p><del>2 Điều 16 của Luật các Tổ chức tín dụng.</del></p>	
		<p>3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</p>	<p>3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá <b>15%</b> vốn điều lệ của Ngân hàng <del>trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này</del>. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.</p>	
			<p><b>4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Sở hữu cổ phần tại Công ty con, Công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;</p> <p>c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 63 của Luật các Tổ chức tín dụng.</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.	5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng.	
22.	Điều 29 khoản 1	<p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện <b>được</b> ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 39 Điều lệ này. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện <b>theo</b> được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 39 Điều lệ này. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng;</p> <p>iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử theo quy định của Ngân hàng;</p> <p>b. Được <b>ứng cử</b>, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 61 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>điện tử khác theo quy định của Ngân hàng;</p> <p>iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử theo quy định của Ngân hàng;</p> <p>b. Được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>c. <b>Được</b> nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Được ưu tiên mua hoặc có quyền mua cổ phần mới mà Ngân hàng chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu.</p> <p><b>e. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình</b> cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>f. <b>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.</b></p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>soát theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>c. <del>Được</del> Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Được ưu tiên mua hoặc có quyền mua cổ phần mới mà Ngân hàng chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu.</p> <p>e. <del>Được tự do</del> Chuyển nhượng cổ phần, <b>quyền mua cổ phần của mình</b> cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục, hoặc sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, <b>ng nghị quyết</b>, và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>h. Trong trường hợp Ngân hàng bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu, sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>i. Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>j. <del>Được</del> Ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>h. Trong trường hợp Ngân hàng bị giải thể hoặc phá sản, được <b>nhận</b> một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu, sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>i. Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>j. <b>Được</b> ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>k. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.</p>	<p>k. <b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.</b></p> <p>l k. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.</p>	
23.	Điều 29 khoản 2	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng <b>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</b> có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng <del>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</del> có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 67.2.d Luật các TCTD năm 2024
24.	Điều 29 khoản 3	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <b>từ 10%</b> tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định	3. <del>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.</del>	Chuyển nội dung này lên Khoản 1 Điều 29 do theo Điều 61.10 Luật các TCTD thì đây đang quy định quyền

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		tại Điều lệ này.		của cổ đông
25.	Điều 29 khoản 4	4. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 01 người đại diện; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa 02 người đại diện; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa 03 người đại diện; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa 04 người đại diện; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa năm (05) người đại diện; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa sáu (06) người đại diện; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa bảy (07) người đại diện; từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa tám (08) người đại diện.	4. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 01 người đại diện; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa 02 người đại diện; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa 03 người đại diện; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa 04 người đại diện; từ 50% tổng số <b>Cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền tối đa số người đại diện bằng số ứng cử viên đề cử vào Hội đồng quản trị.</b> <del>đến dưới 60% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa năm (05) người đại diện; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa sáu (06) người đại diện; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa bảy (07) người đại diện; từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa tám (08) người đại diện.</del>	Điều chỉnh để phù hợp với ý kiến của NHNN tại Công văn số 6670/NHNN-TTGSNH ngày 15/08/2024
26.	Điều 29 khoản 4 điểm b	b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;	b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;	Điều chỉnh phù hợp với Điều 61.6 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		mai, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;		
27.	Điều 30	<p>Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và các quy chế của Ngân hàng; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng.</p> <p>3. Không được rút <b>vốn</b> đã góp vốn <b>bằng cổ phần phổ thông</b> ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Bảo vệ uy tín, tài sản và lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức khi thực hiện</p>	<p>Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và các quy chế của Ngân hàng; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thanh toán đủ <b>số tiền tương ứng với số cổ phần đã</b> cam kết mua <b>trong thời hạn do Ngân hàng quy định;</b> và chịu trách nhiệm <del>đối với</del> về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn <b>cổ phần</b> đã góp vào Ngân hàng.</p> <p>3. Không được rút vốn <b>cổ phần</b> đã góp vốn <del>bằng cổ phần phổ thông</del> ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức <b>dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng,</b> trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại <b>cổ phần Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này,</b> của <del>Điều lệ này và Pháp luật.</del> Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Bảo vệ uy tín, tài sản và lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 62 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/Lý do
		<p>một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm Pháp luật.</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, <b>nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp</b> để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>a. Vi phạm Pháp luật.</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, <b>nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp</b> để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>8. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 8. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.		
28.	Điều 32	Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng theo đề xuất của Hội đồng quản trị. b. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. c. Thông qua phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó, cũng như trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị. d. Quyết định tăng - giảm vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán. e. Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về việc niêm yết hoặc hủy bỏ niêm yết công	Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau: 1. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng theo đề xuất của Hội đồng quản trị. 2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 3. Thông qua phương án phân <b>phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ngân hàng</b> , sử dụng lợi nhuận; mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó, cũng như trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 4. <b>Thông qua phương án thay đổi Quyết định tăng - giảm mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.</b> 5. Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về việc niêm yết hoặc hủy bỏ niêm yết công khai bất kỳ hoặc tất cả cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng. 6. <b>Thông qua quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định</b>	- Điều chỉnh phù hợp với Điều 67.3 Luật các TCTD năm 2024 - Sửa cách đánh số Điều khoản



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/Lý do
		<p>khai bất kỳ hoặc tất cả cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.</p> <p>f. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.</p> <p>g. Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 75 của Điều lệ này.</p> <p>h. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.</p> <p>i. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đề xuất của Hội đồng quản trị.</p> <p>j. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>k. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>có giá trị từ 20% <b>vốn điều lệ trở lên</b> của Ngân hàng so với <del>vốn điều lệ của Ngân hàng</del> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.</p> <p>7. Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 75 của Điều lệ này.</p> <p>8. Thông qua việc <b>phương án</b> mua lại cổ phần đã bán.</p> <p>9. <b>Thông qua Điều lệ</b>, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đề xuất của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>11. Quyết định <b>tổng</b> mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với <b>thành viên</b> Hội đồng quản trị, <b>thành viên</b> Ban kiểm soát và <b>ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</b></p> <p>12. Xem xét và xử lý các vi phạm <b>theo thẩm quyền vi phạm</b> của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>13. <b>Phê chuẩn Quyết định lựa chọn</b> tổ chức kiểm toán độc lập <b>đáp ứng theo yêu cầu theo quy định của Thống đốc NHNN để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của</b></p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>l. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>m. Phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng theo đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>n. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng.</p> <p>o. Quyết định việc giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.</p> <p>p. Giám sát và đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>q. <b>Phê chuẩn</b> quy chế quản trị nội bộ, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>r. <b>Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành</b> của Ngân hàng phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>s. <b>Quyết định thành lập công ty con.</b></p> <p>t. <b>Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn</b></p>	<p>Ngân hàng theo đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>14. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng.</p> <p>15. Quyết định việc giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.</p> <p>16. <del>Giám sát và đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</del></p> <p>16. <b>Thông qua</b> Phê chuẩn quy chế quản trị nội bộ, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>17. <b>Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý</b> của Ngân hàng phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>18. <b>Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng.</b></p> <p>19. <b>Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</b></p> <p>20. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.</p> <p>21. <b>Thông qua phương án quy định tại Điều 143 Luật các Tổ chức tín dụng.</b></p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>u. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.</p> <p>v. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p>	<p>22. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng.</p> <p>23. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p>	
29.	Điều 33 khoản 2	<p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn 2/3 số thành viên quy định trong Điều lệ này.</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>e. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn 2/3 số thành viên quy định trong Điều lệ này.</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>e. <b>Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;</b></p> <p>f e. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>g f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		Pháp luật		
30.	Điều 33 khoản 2	5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp, nếu xét thấy cần thiết.	5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp, nếu xét thấy cần thiết.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 67.2.d Luật các TCTD năm 2024
31.	Điều 38	Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua <del>các</del> quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các <b>vấn đề nội dung</b> sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	Điều chỉnh phù hợp với Điều 67.4 Luật các TCTD năm 2024 Sửa nội dung dẫn chiếu tới các khoản của Điều 32 do đã sửa cách đánh tên Điều khoản.



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng.</p> <p>b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều</p>	<p>a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng.</p> <p>b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua <b>tại cuộc họp theo quy định sau đây:</b></p> <p>a. Được số cổ đông đại diện trên <del>51%</del> <b>50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của <del>tất cả các</del> <b>tất cả các</b> cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội <del>đự</del> <b>họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>b. Đối với quyết định về <del>các vấn đề nội dung</del> quy định tại các <b>Khoản 4, 6 điểm d, f, i, n và o Điều 32</b> của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của <del>tất cả các</del> <b>tất cả các</b> cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội <del>đự</del> <b>họp chấp</b></p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>kiện sau đây:</p> <p>a. Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội chấp thuận.</p> <p>b. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm d, f, i, n và o Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.</p> <p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử</p>	<p>thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>c. Đối với quyết định về nội dung quy định tại các khoản 14, 15 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>5. Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% trên</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>5. Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và người ủy quyền tham dự đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>7. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu</p>	<p><del>50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.</del></p> <p>5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và người ủy quyền tham dự đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>6. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.</p> <p>7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 75 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>8. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.</p> <p>8. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 75 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.</p>		
32.	Điều 43	<p>Điều 43. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng <b>không</b> thuộc thẩm quyền của</p>	<p>Điều 43. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, <b>không trừ những vấn đề</b> thuộc thẩm</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 50.1, Điều 69 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		Đại hội đồng cổ đông.	quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
		2. Số thành viên của Hội đồng quản trị <b>không ít hơn 05</b> (năm) người và không <b>nhiều hơn 11</b> (mười một) người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có <b>ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên</b> là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng, trong đó có <b>ít nhất 01 (một) thành viên độc lập</b> theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.	2. Số thành viên của Hội đồng quản trị <b>không ít hơn tối thiểu 05</b> (năm) người <b>thành viên</b> và không <b>nhiều hơn quá 11</b> (mười một) người <b>thành viên</b> , số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <b>Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.</b>	
		3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá <b>1/3 (một phần ba) tổng số thành viên</b> Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.	3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện <b>phần</b> vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá <b>1/3 (một phần ba) tổng số 02 (hai) thành viên</b> Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, <b>bên nhận chuyển giao bắt buộc.</b>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên <b>trong</b> Hội đồng quản trị <b>không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</b>. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là <b>không quá 05 (năm) năm</b>. Nhiệm kỳ của thành viên <b>trong</b> Hội đồng quản trị <b>không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</b>. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên <b>Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế mới</b> là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. <b>Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</b></p> <p><b>Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng.</b></p>	
		<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát.</p>	
33.	Điều 43 Khoản 6	<p>6. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <b>trên 10%</b> đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa</p>	<p>6. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <b>từ 10% 05%</b> đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <del>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</del> được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% <b>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</b> được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% <b>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</b> được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% <b>tổng số cổ phần có quyền</b></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 61.10 Luật các TCTD năm 2024, theo ý kiến của NHNN tại Công văn 6670/NHNN-TTGSNH ngày 15/08/2024</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.	<b>biểu quyết</b> được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% <b>tổng số cổ phần biểu quyết</b> trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào <b>Hội đồng quản trị phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB.</b> <del>đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.</del>	
34.	Điều 44 khoản 1 điểm a	Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Ngân hàng và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: a. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của Pháp luật;	Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Ngân hàng và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: <del>a. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của Pháp luật;</del>	- Điều chỉnh phù hợp với Điều 70 Luật các TCTD năm 2024 - Do bỏ điểm a nên cần đánh lại số thứ tự các điểm trong Điều 44 Khoản 1
35.	Điều 44 khoản 1 điểm b	b. Trình Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng: (i) Định hướng phát triển của Ngân hàng. (ii) Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Ngân hàng. (iii) Tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng. (iv) Các loại cổ phiếu có thể phát hành và	a b. Trình Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng <b>quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.</b> <del>(i) Định hướng phát triển của Ngân hàng. (ii) Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Ngân hàng. (iii) Tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng.</del>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 70.2 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.</p> <p>(v) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.</p> <p>(vi) Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>(vii) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.</p> <p>(viii) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.</p> <p>(ix) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.</p>	<p><del>(iv) Các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.</del></p> <p><del>(v) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.</del></p> <p><del>(vi) Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</del></p> <p><del>(vii) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.</del></p> <p><del>(viii) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.</del></p> <p><del>(ix) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.</del></p>	
36.	Điều 44 khoản 1 điểm g	<p>g. Quyết định đầu tư, <b>giao dịch</b> mua, bán, chuyển nhượng tài sản Ngân hàng có giá trị từ 10% trở lên hoặc một tỷ lệ thấp hơn so với vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, <b>giao dịch</b> mua, bán, chuyển nhượng tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm f Điều 32 của Điều lệ này.</p>	<p>f g. <b>Thông qua</b> quyết định đầu tư, giao-dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản <b>cổ định</b> của Ngân hàng <b>mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cổ định</b> có giá trị từ 10% <b>vốn điều lệ trở lên</b> hoặc một tỷ lệ thấp hơn so với vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, giao-dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản <b>cổ định</b> của Ngân hàng quy định tại điểm f Điều 32 của Điều lệ này. <b>thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 70.7 Luật các TCTD năm 2024</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
37.	Điều 44 khoản 1 điểm i	i. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	h i. Thông qua phương án góp vốn, mua, <b>bán</b> cổ phần, <b>phần vốn góp của Ngân hàng tại của</b> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <b>mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp</b> có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 70.6 Luật các TCTD năm 2024
38.		Chưa có	j. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Bổ sung dưới điểm (i) nội dung này để phù hợp với quy định tại Điều 70.10 Luật các TCTD năm 2024
39.	Điều 44 khoản 1 điểm p	p. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.	p. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Pháp luật <b>có liên quan</b> , trừ những <b>vấn đề nội dung</b> thuộc thẩm quyền của <del>Ban kiểm soát</del> và Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 70.12 Luật các TCTD năm 2024
40.	Điều 44 khoản 1 điểm r	r. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.	r. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên, và <del>báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.</del>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 67.3.m Luật các TCTD năm 2024 do đây là nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT
41.	Điều 44 khoản 1 điểm u	u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội	u. Duyệt chương trình, <b>kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình</b> , nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến <b>cổ đông</b> bằng văn bản để thông qua <b>ng nghị quyết</b> , quyết định của Đại hội	Điều chỉnh phù hợp với Điều 70.20 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		đồng cổ đông;	đồng cổ đông.	
42.	Điều 44 khoản 1 điểm w	w. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.	w. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.  w. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.	Bổ nội dung này do Luật các TCTD năm 2024 không quy định  Bổ sung để phù hợp với Điều 70.18 Luật các TCTD
43.	Điều 44	Chưa có	Bổ sung: z. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; aa. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; bb. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; cc. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.	Bổ sung để phù hợp với Khoản 15, 19, 21, 22 Điều 70 Luật các TCTD
44.	Điều 45 Khoản 2	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không đồng thời	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.	Bổ vì các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đã được quy định

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.		
45.	Điều 45 Khoản 3	<p>Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là:</p> <p>a. Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng.</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p>Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là:</p> <p>a. <del>Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng.</del></p> <p>b. <del>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</del></p> <p><b>Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 43.1 Luật các TCTD năm 2024
46.	Điều 45 khoản 4	<p>4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản</p>	<p>4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a. <b>Làm chủ tọa các</b> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; <b>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</b></p> <p>c. <del>Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị;</del> Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>d. <b>Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 71 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.</p> <p>e. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và để hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</p> <p>g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.</p>	<p><b>đồng quản trị.</b></p> <p>e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký <del>các nghị quyết, quyết định của văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; giám sát, tổ chức thực hiện và giám sát; hoặc</del> tổ chức giám sát việc thực hiện <del>các</del> nghị quyết, quyết định đó của Hội đồng quản trị.</p> <p>f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và <del>để hiểu liên quan đến</del> <b>có đủ thời gian thảo luận</b> các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</p> <p>h. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ <b>cụ thể</b> cho <del>các</del> <b>từng</b> thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>i. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện <del>các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.</del> <b>quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.</b></p> <p>j. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>k. <b>Định kỳ hàng năm,</b> Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các uỷ ban của Hội đồng quản trị</p>	





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>i. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>j. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các uỷ ban của Hội đồng quản trị <b>tối thiểu mỗi năm một lần</b> và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>k. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị.</p> <p>l. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p> <p>5. Chủ tịch uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành</p>	<p><b>tối thiểu mỗi năm một lần</b> và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>l. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị.</p> <p>m. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>n. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p> <p>5. Chủ tịch <b>chỉ được</b> uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên <b>khác của</b> Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt <b>hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ</b> và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc uỷ quyền này. Nếu Chủ tịch <del>vắng mặt</del> mà không uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.		
47.	Điều 46	<p>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị, có những quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Ngân hàng.</p> <p>c. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu</p>	<p>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị, có những quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.</li> <li>Thực hiện các <b>quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ và quyền hạn</b> của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của <b>Chủ tịch</b> Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Ngân hàng; <b>phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</b></li> <li>Nghiên cứu Xem xét báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu <b>người quản trị, Người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và</b></li> </ol>	<p>- Điều chỉnh phù hợp với Điều 72 Luật các TCTD năm 2024</p> <p>- Đánh lại tên Điều khoản</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>người quản trị, điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>e. Yêu cầu Chủ tịch triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>f. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>g. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>h. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân</p>	<p>kiểm toán nội bộ giải trình, <b>làm rõ</b> các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. <del>Yêu cầu</del> <b>Đề nghị</b> Chủ tịch <b>Hội đồng quản trị</b> triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>6. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>7. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>8. Tham dự <del>đầy đủ</del> các cuộc họp của Hội đồng quản trị, <b>thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật có ý kiến rõ ràng về các vấn đề nội dung được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề nội dung thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích.</b> Chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình. <b>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho</b></p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.</p> <p>i. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>j. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà thành viên Hội đồng quản trị nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.</p> <p>k. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>l. Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>m. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội</p>	<p><b>người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, e, f, g, h, j, n, p, q, r, w khoản 1 Điều 44 Điều lệ này.</b></p> <p>9. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông <del>phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</del></p> <p>10. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà thành viên Hội đồng quản trị nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.</p> <p>11. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>13. <b>Có trách nhiệm</b> Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>14. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>n. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc.</p> <p>o. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và điều lệ này.</p>	<p>Tổng Giám đốc.</p> <p>15. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và điều lệ này.</p>	
48.	Điều 48	<p>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất</p>	<p>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>b. Có bằng trình độ từ đại học trở lên;</p> <p>c. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; <b>hoặc</b> có ít</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 41 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e. Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.</p>	<p>nhất 05 năm là người quản lý, <del>người điều hành của</del> doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, <del>ngân hàng</del>, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; <del>hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</del>; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d. Có sức khoẻ, <del>có đạo đức nghề nghiệp</del>, <del>trung thực có đạo đức nghề nghiệp</del> theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</p>	
		Không quy định	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc.</p> <p>b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</p>	





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.	3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này và không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: a. Người điều hành Ngân hàng; b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác; c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.	
49.	Điều 49 Khoản 3	3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau: a. Ban kiểm soát; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác; c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành; d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau: a. Ban kiểm soát; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác <b>Ngân hàng;</b> c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành; d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh phù hợp với các khái niệm quy định tại Điều 1 Điều lệ
50.	Điều 52 Khoản 1	Điều 52. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 52. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách	Điều chỉnh phù hợp với Điều 45 Luật các TCTD năm 2024, Điều 17 Luật Doanh



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này;</p> <p>b. Chết, mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p><b>a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p><del>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này;</del></p> <p>b. Chết, <del>mất năng lực hành vi dân sự;</del></p> <p>c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt. <b>Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</b></p> <p>d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>nghiệp 2020.</p>
51.	Điều 52 Khoản 2 Khoản 3	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:</p> <p>a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</p> <p>b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng và được chấp thuận;</p> <p>c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối</p>	<p>2. <b>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này</b>, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:</p> <p><del>a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</del></p> <p>a b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng và được chấp thuận;</p> <p><b>e. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên</b></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 46 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p>	<p><del>độc lập Hội đồng quản trị;</del></p> <p>b d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. <del>Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</del></p>	
		<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p><b>b. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 48 Điều lệ;</b></p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>d. Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 48 Điều lệ đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</b></p>	
52.	Điều 52 Khoản 4	<p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung</p>	<p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 43 Điều lệ không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày 90 ngày</b>, kể từ ngày không đủ số thành viên <b>tối thiểu</b>, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để Ngân hàng phải bầu bổ sung, <b>đảm bảo số</b></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 50.2 Luật các TCTD năm 2024</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị <del>tối thiểu</del>, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.</b></p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.</p>	
53.	Điều 53 Khoản 3	<p><b>Điều 53. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Việc thành lập các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 53. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Việc thành lập các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 50.5 Luật các TCTD năm 2024.
54.	Điều 56 Khoản 1 Khoản 2 Khoản 3	<p>Điều 56. Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.</p> <p>2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng có thể là thành viên của Hội</p>	<p>Điều 56. Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày <b>cao nhất</b> của Ngân hàng.</p> <p>2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng có thể là thành viên của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 55 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>đồng quản trị. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là <b>không quá 05 (năm) năm</b>, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	
55.	Điều 56 Khoản 4	<p>4. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác; không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác; trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng; không đồng thời tham gia điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<p>4. Tổng Giám đốc không đồng thời là <b>người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</b>. <del>Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác; không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác; trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng; không đồng thời tham gia điều hành doanh nghiệp khác.</del></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 43.5 Luật các TCTD năm 2024</p>
56.	Điều 56 Khoản 5	<p>5. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>a. Trình Hội đồng quản trị của Ngân hàng:</p> <p>(i) Các kiến nghị, đề xuất về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng để Hội đồng</p>	<p>5. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>a. Trình Hội đồng quản trị của Ngân hàng:</p> <p>(i) Các kiến nghị, đề xuất về cơ cấu tổ chức <b>quản lý và hoạt động</b> của Ngân hàng để Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 56 Luật các TCTD năm 2024</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>quản trị quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>f. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.</p> <p>g. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch hoặ, hoả hoạn, sự cố) vì lợi ích của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp</p> <p>m. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật;</p> <p>n. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.</p>	<p>f. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo <b>quản lý</b>.</p> <p>g. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch hoặ, hoả hoạn, sự cố) vì lợi ích của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó phải <b>kịp thời</b> báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp</p> <p>m. Báo cáo Hội đồng quản trị, <b>Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nhà nước</b> và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về <b>hoạt động</b> và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật;</p> <p>n. Ký kết hợp đồng, <b>giao dịch khác</b> nhân danh Ngân hàng theo <del>văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng</del> <b>theo Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng</b>.</p> <p>p. <b>Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;</b></p> <p>q. <b>Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;</b></p>	





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
57.	Điều 57 Khoản 3	<p>3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng;</p> <p>b. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p>3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là <b>người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng.</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 43 Khoản 5 Luật các TCTD năm 2024
58.	Điều 59	<p>Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh,</p>	<p>Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p><del>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p><del>b. Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;</del></p> <p><b>a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;</b></p> <p>b. Có <b>bằng trình độ từ</b> đại học trở lên về một trong các chuyên ngành <b>tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật,</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 41.4 Luật các TCTD năm 2024.



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>luật; Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;</p> <p>e. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p><b>kế toán, kiểm toán:</b></p> <p>c. <b>Có một trong các điều kiện sau đây:</b> có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; <b>hoặc</b> có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; <b>hoặc</b> có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực. <b>Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>e. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	
		<p>2. Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh,</p>	<p>2. Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p><b>a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức</b></p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.	<p><b>tín dụng;</b></p> <p>b. Có một trong các điều kiện sau đây: có bằng trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành <b>tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán</b> hoặc <b>ngành khác thuộc</b> lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; <b>hoặc</b> có trình độ từ đại học trở lên <del>ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên</del> về ngành khác và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.</p> <p>c. <b>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</b></p> <p>d. <b>Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</b></p>	
59.	Điều 60 Khoản 1	<p>Điều 60. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 tại Điều lệ này;</p> <p>b. Chết, mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>d. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p>	<p>Điều 60. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, <b>bãi nhiệm</b> Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p><del>a- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 tại Điều lệ này;</del></p> <p>b. Chết, <del>mất năng lực hành vi dân sự;</del></p> <p>c. <b>Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 45, Điều 46 Luật các TCTD năm 2024, Điều 17 Luật Doanh nghiệp



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		e. Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.	<p><b>d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</b></p> <p>e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g. Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p>	
60.	Điều 60 Khoản 2 Khoản 3	<p>2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</b></p> <p>b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;</p> <p>c. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm c khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	<p>2. <b>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này</b>, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</b></p> <p>a b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;</p> <p>b e. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p><del>e d. Các trường hợp miễn nhiệm khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</del></p> <p>3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm <b>b e</b> khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị <b>đự hợp</b>, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 46.1 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
61.		Chưa có	4. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp: <b>a. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 59 Điều lệ;</b>	Bổ sung để phù hợp với 46.1 Luật các TCTD năm 2024
62.	Điều 60 Khoản 4	4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn <b>tối đa 30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.	5 4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, <b>bãi nhiệm</b> , Hội đồng quản trị gửi thông báo có văn bản kèm tài liệu liên quan bằng văn bản <b>báo cáo</b> cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để <b>bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 45.2, Điều 46.3, Điều 55.3 Luật các TCTD năm 2024
63.	Điều 61	Điều 61. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	Điều 61. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát <b>thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát giám sát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 43.4, Điều 51.1, Điều 51.6, Điều 61.10 Luật các TCTD năm 2024 và ý kiến của NHNN tại Công văn 6670/NHNN-TTGSNH ngày 15/08/2024  - Bộ Khoản 7 vì nội dung này đã được quy định tại Điều khoản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn của TV BKS
		2. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, số	2. Ban kiểm soát có <b>ít nhất 03 (ba) tối thiểu 05 (năm)</b> thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm	





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam, có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p>	<p>kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam, có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p>	
		<p>3. Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <b>trên 10%</b> đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói</p>	<p>3. Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng cử viên; từ 50% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào Ban kiểm soát phù hợp với số lượng thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB <del>trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần</del> có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại sẽ do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.	được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại sẽ do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.	
		4. Ban kiểm soát bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.	4. Ban kiểm soát bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.	
		5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.	5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. <b>Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</b> Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.	
		6. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám	6. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: a) <b>Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc</b>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		độc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;	của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;	
		b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.	b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.	
		7. Trưởng Ban Kiểm soát không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.	<del>7. Trưởng Ban Kiểm soát không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.</del> Bỏ nội dung này và bổ sung như sau: <b>7. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.</b>	
64.	Điều 62	Điều 62. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.	Điều 62. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát như sau: a) Giám sát <b>việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 52 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát như sau:</p> <p>a) Giám sát việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản trị và điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.</p>	<p><del>lệ đối với</del> hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị <del>trong việc quản trị và điều hành Ngân hàng</del>; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao <b>theo quy định của Luật các TCTD.</b></p>	
		<p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ, riêng văn bản theo quy định tại điểm q Điều 32 của Điều lệ phải có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ, riêng văn bản theo quy định tại <b>Khoản 17 Điều 32</b> của Điều lệ phải được <del>có sự phê chuẩn của</del> Đại hội đồng cổ đông <b>thông qua. Định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.</b></p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p>	<p>4. <del>Thực hiện chức năng</del> <b>Tổ chức thực hiện</b> kiểm toán nội bộ; có quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý trị, điều hành Ngân hàng; <del>có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</del> <b>được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</b></p>	
		<p>5. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>5. <b>Giám sát thực trạng tài chính,</b> thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		Không có	6. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
		Không có	7. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.	
		6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.	8. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành <b>hoạt động</b> của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc <b>trong các trường hợp sau đây</b> : a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. <b>hoặc</b> Theo yêu cầu của <b>Ngân hàng Nhà nước</b> , cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>7. Khi có yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	<p>9. Khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến <b>tổ chức, cá nhân Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông</b> có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	
		<p>8. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.</p>	<p>10. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng. <b>Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</b></p>	





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	<p>11. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, <b>giám sát</b>, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	
		<p>10. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Người quản lý khác của Ngân hàng đối với nghĩa vụ quy định tại Điều 74 Điều lệ này, các quy định khác của Điều lệ và quy định Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.</p>	<p>12. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho <b>Đại hội đồng cổ đông</b>, Hội đồng quản trị <del>trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ</del> sau khi phát hiện <b>Người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</b>; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p> <p><b>Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ sau khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của Người quản lý, người điều hành Ngân hàng.</b></p>	
		<p>14. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này</p>	<p>14. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của <del>Pháp luật</del> <b>Luật các TCTD</b> hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao <del>và hoặc</del> trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		Không có	19. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 12 và 14 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.	
65.	Điều 63	Điều 63. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:	Điều 63. Quyền và <b>nhiệm vụ</b> nghĩa-vụ của Trưởng Ban kiểm soát Trưởng Ban kiểm soát có <b>quyền và nghĩa vụ</b> nhiệm-vụ và quyền hạn sau:	Điều chỉnh phù hợp với Điều 53 Luật các TCTD năm 2024
		Không có	1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 62 của Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	
		1. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.	2. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.	
		2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này.	2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này.	
		3. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.	3. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>4. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của và phân công nhiệm vụ....</p> <p>5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>9. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> <p>10. Ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.</p>	<p>4. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của <b>Ban kiểm soát</b> và phân công nhiệm vụ....</p> <p>5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và <b>nhiệm vụ</b> được phân công và <b>quyền, nghĩa vụ</b> quyền hạn của <b>thành viên</b> Ban kiểm soát.</p> <p>9. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có <b>quyền</b> phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. <b>Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>10. <b>Chỉ được</b> ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát <b>thực hiện quyền và nghĩa vụ</b> đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt, <b>không thể thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <p>11. <b>Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát</b></p>	
66.	Điều 64	<p>Điều 64. Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy</p>	<p>Điều 64. Quyền và <b>nhiệm vụ nghĩa vụ</b> của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát <b>và thực hiện nhiệm vụ theo phân</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 54 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/Lý do
		<p>định của Pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng, Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>5. Được yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải thích về các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.</p> <p>8. Có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trực tiếp lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>10. Yêu cầu họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p>	<p><b>công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng, Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</b></p> <p>2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát</p> <p><b>5. Được yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải thích về các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.</b></p> <p><b>Yêu cầu người quản lý, người điều hành, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải thích về các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</b></p> <p>7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý <b>thảo luận</b> và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.</p> <p><del>8. Có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</del></p> <p><del>9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trực tiếp lên Đại hội đồng cổ đông</del></p> <p>10. Yêu cầu họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			Điều lệ này và Pháp luật.	
67.	Điều 67	<p><b>Điều 67. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d. Không phải là Người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng;</p> <p>e. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>f. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và</p>	<p><b>Điều 67. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p><b>1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng:</b></p> <p>2. Có bằng <del>trình độ</del> <b>trình độ</b> từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành <b>tài chính, ngân hàng</b>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>3. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý của Ngân hàng;</p> <p>e. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>4. Có sức khỏe, <b>có đạo đức nghề nghiệp</b>, trung thực; có đạo đức <b>nghề nghiệp</b> theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 41 Luật các TCTD năm 2024</p> <p>Bổ nội dung quy định về thành viên BKS chuyên trách do không còn phù hợp với quy định của Luật các TCTD.</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>trung thực;</p> <p>g. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>	<p><del>g. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của pháp luật.</del></p> <p><b>5. Trường ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</b></p>	
68.	Điều 68	<p>Điều 68. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Không có</p>	<p>Điều 68. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 45 Luật các TCTD năm 2024
	Khoản 1	a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này;	<del>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này;</del>	
	Điểm a	b. Chết, mất năng lực hành vi dân sự;	b. Chết, mất năng lực hành vi dân sự;	
	Điểm b	c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;	<del>c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt</del> <b>Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</b>	
	Điểm c		<p>d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
69.	Điều 68 Khoản 2 Khoản 3	<p>2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Bị hạn chế năng lực dân sự;</p> <p>b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng và được chấp thuận;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</p>	<p>2. <b>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này</b>, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><del>a. Bị hạn chế năng lực dân sự;</del></p> <p>a b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng và <del>được chấp thuận;</del></p> <p>b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 46 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>3. Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p><b>d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các Tổ chức tín dụng;</b></p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
70.	Điều 68 Khoản 8	<p>8. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng</p>	<p>8. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 61 Điều lệ bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát <b>tối thiểu</b> theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát,</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 51.6 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		cổ đông đề bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.	<b>đảm bảo số thành viên tối thiểu.</b>	
71.	Tiêu đề Mục 6	Mục 6. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng	Mục 6. Nghĩa vụ <b>Trách nhiệm</b> của thành viên Hội đồng quản trị, viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng	Điều chỉnh phù hợp với Thông tư 116/2020/BTC ngày 31/12/2020
72.	Điều 73	<p>Điều 73. Công khai các lợi ích có liên quan</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp, tổ chức đó.</p> <p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên</p>	<p><b>Điều 73. Cung cấp, công bố công khai thông tin</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, <b>mã số doanh nghiệp</b>, địa chỉ trụ sở chính <b>của doanh nghiệp</b>, tổ chức kinh tế <b>khác</b> mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, <b>bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</b></p> <p>b) Tên, <b>mã số doanh nghiệp</b>, địa chỉ trụ sở chính <b>của doanh nghiệp</b>, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, <b>kiểm soát viên</b>, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (<b>Giám đốc</b>);</p> <p>c) <b>Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</b></p> <p>d) <b>Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên,</b></p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 49 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>Ban kiểm soát, Giám đốc, Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</p> <p>b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;</p> <p>d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.</p> <p>3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			<p>lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liền trước.</p> <p>4. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, tổ chức tin dụng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>5. Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.</p> <p>6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</p> <p>7. Chủ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều này và Ngân hàng công bố thông tin theo quy định của Pháp luật</p>	
73.	Điều 74	Điều 74. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng	<p>Điều 74. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành của Ngân hàng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <b>Tổng</b></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Điều 48 Luật các TCTD năm 2024 quy định về quyền, nghĩa vụ</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty con, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng cổ nghĩa vụ:	<b>Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc</b> , thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh, <del>Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty con, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng</del> cổ nghĩa vụ:	của Người quản lý, Người điều hành Tổ chức tín dụng. Bỏ các chức danh do Khái niệm “Người quản lý ngân hàng”, “Người điều hành” đề xuất sửa đổi chi bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc khối, Giám đốc Chi nhánh
	a.	Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.	1. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, <b>ng nghị quyết</b> , quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật <del>trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</del>	
	b.	Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>c. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.</p>	<p>3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để <del>tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác</del> hoặc <b>để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác</b> làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.</p>	
		<p>d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.</p>	<p>4. <b>Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.</b></p>	
		<p>e. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.</p>	<p>5. <b>Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.</b></p>	
		<p>f. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc Người có liên quan của mình vay vốn Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Pháp luật và quy định của Ngân hàng.</p>	<p>6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được <b>tham gia vào giao dịch đó khi được</b> mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			thuận.	
		g. Không được tăng lương, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.	7. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.	
		h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	7. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình bản thân hoặc Người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Pháp luật và quy định của Ngân hàng.	
			8. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi Ngân hàng bị lỗ.	
			9. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.	
			10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	
74.	Điều 75	<b>Điều 75. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 75. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 67, Điều 70.9 Luật các

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p><b>chấp thuận</b></p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 126 và Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng):</p> <p>a. Cổ đông lớn, người đại diện uỷ quyền của cổ đông lớn và Người có liên quan của họ.</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc.</p> <p>c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này và Người có liên quan của các đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>d. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.</p> <p>e. Người quản lý Ngân hàng khác và Người có liên quan của họ trong trường hợp pháp luật có quy định.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều</p>	<p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại <b>Điều 134 và Điều 135</b> Luật các Tổ chức tín dụng):</p> <p>a. Cổ đông lớn, người đại diện uỷ quyền của cổ đông lớn và Người có liên quan của họ.</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, <b>người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát;</b></p> <p>c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này và Người có liên quan của các đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p><b>d. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</b></p> <p>e. Người quản lý Ngân hàng khác và Người có liên quan của họ trong trường hợp pháp luật có quy định.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch <b>khác</b> có giá trị <b>từ 20%</b> vốn điều lệ <b>trở lên</b> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, <b>giao dịch</b> phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng, hoặc thông báo nội dung</p>	TCTD năm 2024





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>này. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch đó, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị,</p>	<p>chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện <b>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết còn lại của tất cả cổ đông dự hợp chấp thuận hoặc khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch <b>khác</b> có giá trị <b>dưới</b> 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch đó, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị,</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch đó, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho Ngân hàng bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>Tổng Giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho Ngân hàng bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	
75.	Điều 77	<p>Điều 77. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động; xây dựng quy chế phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn để Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>Điều 77. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động; xây dựng quy chế phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn để Hội đồng quản trị thông qua <b>theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Ngân hàng.</b></p>	<p>Do không phải mọi vấn đề về tuyển dụng, lao động, phúc lợi,...đều phải lập kế hoạch trình HĐQT thông qua.</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
76.	Điều 82	<p><b>Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</b></p> <p>Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 81 Điều lệ này:</p> <p>1. Ngân hàng quyết định cơ cấu tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của Pháp luật khác có liên quan.</p>	<p><b>Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</b></p> <p>Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 81 Điều lệ này:</p> <p>1. Ngân hàng quyết định cơ cấu tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của Pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>Luật các TCTD năm 2024</p> <p>Luật Doanh nghiệp</p> <p>Bộ Luật lao động năm 2019</p>
		<p>2. Ngân hàng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, và kỷ luật thành viên hội đồng thành viên trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức theo mô hình có hội đồng thành viên, hoặc chủ tịch công ty đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty.</p>	<p>2. Ngân hàng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, <b>bãi nhiệm và</b> khen thưởng, <del>và kỷ luật</del> thành viên hội đồng thành viên trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức theo mô hình có hội đồng thành viên, hoặc chủ tịch công ty đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty, <b>kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát Công ty.</b></p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>3. Ngân hàng phân cấp cho hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình hội đồng thành viên) hoặc chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.</li> <li>- Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.</li> </ul>	<p>3. Ngân hàng phân cấp cho hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình hội đồng thành viên) hoặc chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, <b>bãi nhiệm</b> và khen thưởng, kỷ luật đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.</li> <li>- Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.</li> </ul>	
77.	Điều 85	<p>Điều 85. Hệ thống kế toán</p> <p>1. Hệ thống kế toán Ngân hàng sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p> <p>3. Các sổ sách kế toán của Ngân hàng được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật</p>	<p>Điều 85. Hệ thống kế toán</p> <p>1. Hệ thống kế toán Ngân hàng sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.</p> <p><b>2. Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.</b></p> <p>3. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p> <p>4. Các sổ sách kế toán của Ngân hàng được lập bằng tiếng Việt theo</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 150 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			quy định của Pháp luật	
78.	Điều 87 Khoản 1	Điều 87. Kiểm toán 1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn	<b>Điều 87. Kiểm toán</b> 1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập <b>đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.</b> Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 59 Luật các TCTD năm 2024
79.	Điều 87 Khoản 2	2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.	<del>2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.</del>	Điều 59, Luật TCTD 2024 không quy định nội dung này Bỏ Khoản 2 vì thực tế, với mỗi bản gốc BCTC hàng năm được kiểm toán đã đi kèm với một bản gốc ý kiến kiểm toán. Với bản sao y được sao y nguyên vẹn, toàn bộ từ các bản gốc (bao gồm ý kiến kiểm toán & BCTC)
80.	Điều 87 Khoản	3. Ngân hàng sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc	<del>2. Ngân hàng sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</del>	Điều 59, Luật TCTD 2024 không quy định nội dung này

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
	3	lập sau khi kết thúc năm tài chính,		Thực tế, công việc của kiểm toán độc lập là kiểm toán báo cáo tài chính ngân hàng lập. Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo trước kiểm toán để cung cấp cho kiểm toán thực hiện kiểm toán
81.	Điều 87 Khoản 4	4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Ngân hàng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.	<del>4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Ngân hàng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.</del>	Điều 59, Luật TCTD 2024 không quy định nội dung này Điều 10, TT 96/2020/TT-BTC, thời gian công bố BCTC kiểm toán hàng năm không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính Kiểm toán độc lập là đơn vị bên ngoài, việc trình HĐQT phê duyệt BCTC kiểm toán là công việc nội bộ của VCB
82.	Điều 89	<b>Điều 89. Phân chia lợi nhuận sau thuế</b> Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.	<b>Điều 89. Phân chia lợi nhuận sau thuế</b> <del>Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.</del> <b>Phần lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi bù đắp lỗ năm</b>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 148 Luật các TCTD năm 2024





STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ	
83.	Điều 90	<p><b>Điều 90. Trích lập quỹ</b></p> <p>1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:</p> <p>a. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế, chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức tối đa của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng</p> <p>b. Trích lập quỹ dự phòng tài chính với mức 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng.</p> <p>c. Trả cổ tức cho các cổ đông.</p> <p>d. Việc trích lập và tỷ lệ trích lập các quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ</p>	<p><b>Điều 90. Trích lập quỹ</b></p> <p>1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:</p> <p>a. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế, chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức tối đa của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng</p> <p>b. Trích lập quỹ dự phòng tài chính với mức 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng.</p> <p>c. Trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác (nếu có)</p> <p>d. Trả cổ tức cho các cổ đông.</p> <p>e. Việc trích lập và tỷ lệ trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 148 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		phúc lợi và các quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.		
84.	Điều 91	<p><b>Điều 91. Trả cổ tức</b></p> <p>1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).</p> <p>2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p><b>Điều 91. Trả cổ tức</b></p> <p><b>1. Ngân hàng được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.</b></p> <p>2. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).</p> <p>3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.</p>	<p>Viết lại có bổ sung nguyên tắc tại của Khoản 3 Điều 148 Luật các TCTD 2024.</p> <p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 61 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.</p> <p>Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ</p>	<p>Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</p> <p>Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.</p> <p>6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong</p>	



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>đồng được nhận cổ tức; xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</p> <p>Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.</p> <p>5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người</p>	<p>thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Ngân hàng.</p> <p>8. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. Ngân hàng không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.</p> <p>9. Ngân hàng không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>nhận cổ tức từ Ngân hàng.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Ngân hàng.</p> <p>7. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. Ngân hàng không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.</p> <p>8. Ngân hàng không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.</p>		
85.	Điều 92 Khoản 5	<p>5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính Ngân hàng chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính</p>	<p>5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính Ngân hàng chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính Ngân hàng và thông báo đến tất cả các cổ</p>	<p>Căn cứ theo Điểm a Khoản 2 Điều 14 - Thông tư 49/2014/TT-NHNN.</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính Ngân hàng và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.	đồng chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và <b>được công bố trên 01 số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc</b> . Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.	
86.	Điều 93	<p>Điều 93. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng</p> <p>1.Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Ngân hàng có quyền tiếp cận hồ</p>	<p>Điều 93. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng</p> <p>1.Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Ngân hàng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.</p> <p>3.Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để</p>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 61 Luật các TCTD năm 2024



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Điều lệ này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.</p> <p>4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.</p> <p>4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	
87.	Điều 97	<p><b>Điều 97. Giải thể Ngân hàng</b></p> <p>1. Ngân hàng bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>b. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn</p>	<p><b>Điều 97. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng</b></p> <p>1. Ngân hàng bị giải thể, <b>chấm dứt hoạt động</b> trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>b. Khi hết thời hạn hoạt động không <b>đề nghị</b> gia hạn hoặc <b>đề nghị</b> gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 202 Luật các TCTD năm 2024</p>

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>bán;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).</p> <p>2. Ngân hàng chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>3. Các quyết định giải thể Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của Pháp luật.</p> <p>4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý.</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của Pháp luật cho cán bộ nhân viên.</p> <p>c. Thuế và các khoản nợ khác của Ngân hàng.</p> <p>d. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông.</p> <p>4. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến việc giải thể Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>c. Bị thu hồi Giấy phép;</p> <p><b>d. Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;</b></p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).</p> <p>2. Ngân hàng chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>3. Các quyết định giải thể Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của Pháp luật.</p> <p>4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý.</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của Pháp luật cho cán bộ nhân viên.</p> <p>c. Thuế và các khoản nợ khác của Ngân hàng.</p> <p>d. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông.</p> <p>5. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến việc giải thể Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật.</p>	

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
88.		<p><b>Điều 101. Điều khoản chung</b></p> <p>1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.</p> <p>2. Điều lệ này được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số .../BT2024/NQ-DHDCD của Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 08 năm 2024 và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về thời hạn áp dụng.</p> <p>3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Điều lệ gồm 09 (chín) chương, 101 (một trăm linh một) điều, được lập thành</p>	<p><b>Điều 101. Điều khoản chung</b></p> <p>1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.</p> <p>2. Điều lệ này <b>gồm 09 (chín) chương, 102 (một trăm linh hai) điều</b> được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số .../BT2024/NQ-DHDCD của Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 08 năm <b>2024 tại thành phố Hà Nội</b> và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về thời hạn áp dụng.</p> <p>3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Điều lệ gồm 09 (chín) chương, 101 (một trăm linh một) điều, được lập thành 06 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a- Một (01) bản nộp Bộ tài chính;</li> <li>b- Hai (02) bản nộp Ngân hàng Nhà nước;</li> <li>c- Một (01) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Pháp luật;</li> <li>d- Hai (02) bản lưu tại Ngân hàng.</li> </ul> <p><b>4. Điều lệ này được lập thành 06 bản, bản gốc bằng tiếng Việt</b></p>	<p>Khoản 1 Điều 30 Luật Doanh nghiệp năm 2020 không quy định việc sửa đổi Điều lệ phải đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>Khoản 3 Điều 39 Luật các TCTD năm 2024 quy định Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng <b>phải gửi</b> Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua.</p> <p>Do đó, đề xuất bỏ Khoản 4</p>



STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		<p>06 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp Bộ tài chính.</p> <p>b. Hai (02) bản nộp Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>c. Một (01) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Pháp luật.</p> <p>d. Hai (02) bản lưu tại Ngân hàng.</p> <p>5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p> <p>6. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại thành phố Hà Nội, Việt Nam</p>	<p>và có thể được dịch thuật sang tiếng nước ngoài để phục vụ hoạt động kinh doanh. Trường hợp Điều lệ này được dịch sang ngôn ngữ khác thì bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài có giá trị và hiệu lực như nhau. Trường hợp có bất kỳ sự không nhất quán nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Điều lệ được nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.</p> <p>5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của Ngân hàng và phù hợp với quy định của Pháp luật.</p> <p>6. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại thành phố Hà Nội, Việt Nam</p>	
89.	<b>Không có</b>		<p><b>Bổ sung Điều 102</b></p> <p><b>Điều 102. Điều khoản chuyển tiếp</b></p> <p>1. Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật các TCTD có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 41, 42 và 43 của Luật các TCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời gian được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Luật</p>	- Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			<p>các TCTD có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật các TCTD được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật các TCTD được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp ngân hàng thương mại bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</p>	
90.	Điều 32 Điều 46 Điều 67 Điều 74 Điều 85	<p><b>Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Điều 67. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><b>Điều 74. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng</b></p> <p><b>Điều 85. Hệ thống kế toán</b></p>	<p>Sửa lại cách trình bày:</p> <p>Khoản a, b... thành Khoản 1, 2...</p> <p>Rà soát, sửa đổi nội dung dẫn chiếu tương ứng trong toàn Điều lệ.</p>	Đảm bảo đúng quy định và thống nhất trong toàn văn Điều lệ
91.	Phụ lục 1	<p>Phụ lục 1 Điều lệ</p> <p>Thống kê số lượng, địa chỉ các Chi nhánh, Đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện, Công</p>	<p>Cập nhật lại số lượng, địa chỉ mới các Chi nhánh, Đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện, Công ty con, Công ty liên kết của VCB đến ngày 01/07/2024</p>	Cập nhật theo số liệu thực tế

STT	Điều	Điều lệ VCB hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		ty con, Công ty liên kết của VCB		





**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ-VCB-HĐQT ngày 10/8/2024  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này phải tuân theo quy định về bảo mật của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị**

**Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2024,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19/08/2024 và thay thế Quyết định số 866/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/04/2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

---

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày /08/2024  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

**MỤC LỤC**

<b>Chương I.....</b>	<b>1</b>
<b>QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>



Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh .....	1
Điều 2.	Đối tượng áp dụng .....	1
Điều 3.	Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 4.	Áp dụng văn bản .....	2
<b>Chương II .....</b>		<b>2</b>
<b>CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>2</b>
Điều 5.	Hội đồng quản trị .....	2
Điều 6.	Cơ cấu Hội đồng quản trị .....	2
Điều 7.	Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị .....	3
<b>Chương III .....</b>		<b>3</b>
<b>QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>3</b>
Điều 8.	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị .....	3
Điều 9.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác .....	6
Điều 10.	Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	8
Điều 11.	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị .....	9
<b>Chương IV .....</b>		<b>11</b>
<b>ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM .....</b>		<b>11</b>
<b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>11</b>
Điều 12.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	11
Điều 13.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	13
Điều 14.	Dương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 15.	Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	14
<b>Chương V .....</b>		<b>15</b>
<b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN, .....</b>		<b>15</b>
<b>BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>15</b>
Điều 16.	Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị .....	15
Điều 17.	Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro .....	16
Điều 18.	Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự .....	16
Điều 19.	Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị .....	17
Điều 20.	Người phụ trách quản trị Ngân hàng .....	17
<b>Chương VI .....</b>		<b>17</b>

<b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>17</b>
Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến.....	20
Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	21
<b>Chương VII.....</b>	<b>22</b>
<b>CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH.....</b>	<b>22</b>
<b>VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>22</b>
Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 29. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
<b>Chương VIII.....</b>	<b>24</b>
<b>MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>24</b>
Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác.....	24
Điều 32. Mối quan hệ với Ban kiểm soát.....	24
Điều 33. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	25
Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 35. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	26
<b>Chương IX.....</b>	<b>27</b>
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>27</b>
Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.....	27



## QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HDQT ngày /08/2024  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát.
2. Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
3. Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

- Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- HDQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng.
- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị Ngân hàng.



- Người phụ trách quản trị Ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 20 Quy chế này.

- Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Điều lệ Ngân hàng).

#### **Điều 4. Áp dụng văn bản**

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Ngân hàng được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và quy định mới của pháp luật.

### **Chương II**

#### **CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 5. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

##### **Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người Người điều hành Ngân hàng.

Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người

này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 102 (hai) thành viên HĐQT của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

### **Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

## **Chương III**

### **QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông gồm:

(i) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

(ii) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

(iii) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng;

(iv) Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

(v) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền;



(vi) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

(vii) Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

(viii) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

(ix) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;

(x) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

(xi) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng.

b) Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d) Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật;

e) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

f) Thông qua quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Điều lệ Ngân hàng;

h) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng;

i) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;



j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

k) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng;

m) Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;

n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;

o) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát;

p) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

q) Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;

r) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên của Ngân hàng;

s) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng. Thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm tài chính;

u) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

v) Quyết định thanh lý tài sản và mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

w) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

x) Quyết định việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ;

y) Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ);

z) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;

aa) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

bb) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

cc) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

dd) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT còn có trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng;

c) Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;

d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ**



## **và các cuộc họp khác**

1. HĐQT tổ chức cuộc họp định kỳ để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề dưới đây thuộc thẩm quyền của HĐQT:

a) Các vấn đề mà HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Điều lệ Ngân hàng;

b) Phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng có thời hạn từ 1 năm trở lên;

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

e) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trụ sở chính và công ty con của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;

h) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

j) Tiến hành đánh giá hàng năm hiệu quả hoạt động của HĐQT, các ủy ban của HĐQT và từng thành viên của HĐQT;

k) Tiến hành đánh giá hàng năm về hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc;

l) Các vấn đề khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần phải trình HĐQT thông qua.

2. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và



các thành viên HĐQT chuyên trách tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề khác còn lại thuộc thẩm quyền của HĐQT, ngoại trừ các vấn đề tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp của HĐQT.
4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
5. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
7. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
9. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
11. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các uỷ ban của HĐQT định kỳ hàng năm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập khác của HĐQT.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

## **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;

d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e) Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;

f) Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

h) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, e, f, g, h, j, n, p, q, r, w khoản 1 Điều 8 Quy chế này;

i) Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông ;



j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

k) Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

l) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

m) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc;

n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Ngoài quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;

e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:



a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

#### **Chương IV**

### **ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ đại học trở lên;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác

3. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, trừ các khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó;

f) Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

(i) Người điều hành Ngân hàng;

(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.



**Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên HĐQT không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng.
3. Chủ tịch HĐQT phải là thành viên HĐQT không điều hành và không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.
4. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là:
  - a) Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng;
  - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

**Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Chết;
  - b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;
  - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
  - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị



khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 14 Quy chế này, Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đơn xin từ chức gửi HĐQT;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này;
- c) Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn ~~tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ~~ số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

5. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

## **Chương V**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro;
- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên HĐQT và được HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. HĐQT bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập HĐQT là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

c) Khi thành lập các Ủy ban, HĐQT phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan



Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo theo đúng thời hạn theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

d) Sau khi được thành lập, Trường ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do HĐQT ban hành.

### **Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro**

1. Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong các việc sau:

a) Ban hành các quy chế, quy trình, quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

b) Giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

2. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

3. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy chế, quy trình, quy định, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy chế, quy trình, quy định, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

4. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

### **Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự**

1. Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.

2. Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công tác quy hoạch cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

3. Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao,



tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị**

1. Bộ phận Thư ký Ngân hàng là bộ phận chuyên trách giúp việc cho HĐQT. HĐQT quyết định lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Bộ phận Thư ký Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thư ký Ngân hàng do HĐQT quy định.

#### **Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

### **Chương VI**

## **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## **Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi tháng 01 (một) lần và họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT triệu tập. Chương trình nghị sự của cuộc họp định kỳ, thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

3. Người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT là một trong những người sau đây:

a) Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản và phải thông báo cho các thành viên còn lại của HĐQT và Tổng giám đốc biết;

b) Thành viên HĐQT được các thành viên còn lại của HĐQT bầu tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong trường hợp người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT tại điểm a khoản 3 Điều này vắng mặt hoặc không thể làm việc được.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp song ít nhất phải bao gồm các vấn đề sau (áp dụng đối với các phiên họp HĐQT định kỳ):

a) Chủ tịch HĐQT báo cáo các công việc đã thực hiện của HĐQT giữa hai kỳ họp định kỳ;

b) Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đồng thời đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tiếp theo;

c) Trưởng Ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát, cảnh báo đối với hoạt động của Ngân hàng;

d) Người đứng đầu các Ủy ban báo cáo tình hình hoạt động của Ủy ban và các vấn đề khác có liên quan.

5. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.

6. Thành phần mời tham dự họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Kiểm soát.



7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành trên cơ sở triệu tập của Chủ tịch HĐQT hoặc của người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT có thể mời thêm một số thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp của HĐQT để xem xét giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT tại các cuộc họp giữa hai kỳ họp định kỳ theo quy định của Điều 9 Quy chế này.

Khi tham dự cuộc họp của HĐQT, các thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như nêu tại Điều 46, Điều 49 Điều lệ Ngân hàng. Các thành viên khác không phải là thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp của HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

## **Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo họp HĐQT được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.



### **Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT dự họp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp HĐQT theo quy định, cuộc họp HĐQT phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

### **Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến**

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham dự phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

2. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT có mặt hoặc địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

### **Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị**

Ngoài các quy định tại Điều 49 Điều lệ Ngân hàng, trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp HĐQT được thực hiện như sau:

a) Bộ phận Thư ký Ngân hàng chịu trách nhiệm chuẩn bị toàn bộ nội dung tài liệu cuộc họp, trình Chủ tịch HĐQT thông qua và gửi đến các thành viên dự họp theo quy định.

b) Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan tại Điều lệ Ngân hàng.

c) Mọi cuộc họp HĐQT phải được Bộ phận Thư ký Ngân hàng lập biên bản cuộc họp có nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 51 Điều lệ Ngân hàng, phản ánh trung thực, khách quan diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được các thành viên HĐQT hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp thông qua, ký tên đầy đủ và là cơ sở để HĐQT ra nghị quyết, quyết định. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

d) Trường hợp Người phụ trách quản trị Ngân hàng kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng phối hợp cùng Bộ phận Thư ký Ngân hàng thực hiện những nội dung quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này.

#### **Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ Ngân hàng theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền.

2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường có giá trị hiệu lực như các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp định kỳ và chỉ được thông qua khi có đa số các thành viên dự họp là thành viên HĐQT biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường phải được thông báo lại cho các thành viên HĐQT còn lại biết tại cuộc họp định kỳ gần nhất của HĐQT.

#### **Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Bộ phận Thư ký Ngân hàng chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận



đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.

4. Bộ phận Thư ký Ngân hàng tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

5. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời (có chữ ký của thành viên HĐQT), biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

7. Để kịp thời giải quyết các trường hợp cấp bách thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản theo một trong hai cách sau:

a) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên nội dung tờ trình từng vấn đề của Ban điều hành.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị hiệu lực như quyết định được thông qua tại cuộc họp bất thường của HĐQT với điều kiện quyết định đó được đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến tán thành.

## **Chương VII**

### **CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch



HDQT.

2. Kết thúc đợt công tác, các thành viên HDQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HDQT kết quả đợt công tác.

### **Điều 29. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị**

1. Chi phí hoạt động của HDQT, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên HDQT và bộ phận giúp việc của HDQT được tính vào chi phí của Ngân hàng.

2. Thành viên HDQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng các Phòng/Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Chủ tịch HDQT hoặc các thành viên HDQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của HDQT đều sao gửi đến Chủ tịch HDQT và các thành viên HDQT.

5. HDQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban, trung tâm, khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HDQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Ngân hàng có trách nhiệm chuyển và nhận tất cả các công văn, tài liệu của HDQT. Mọi văn bản, tài liệu từ bên ngoài gửi tới Ngân hàng đều phải sao gửi HDQT để biết và chỉ đạo giải quyết.

### **Điều 30. Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. HDQT phân cấp, giao nhiệm vụ có phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp không được HDQT phân cấp, giao nhiệm vụ thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao

nhất do pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ Ngân hàng quy định.

2. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ trong một số trường hợp được thực hiện như sau:

a) Quyết định phân cấp, giao nhiệm vụ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống Ngân hàng và Quy chế tài chính của Ngân hàng do HĐQT ban hành và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của HĐQT;

b) Quyết định phân cấp, giao thực hiện các hợp đồng liên quan tới hoạt động cấp tín dụng, hoạt động huy động vốn được thực hiện theo Quy chế tài chính, các quy định có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật;

c) Quyết định về công tác cán bộ: thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ, các quy định khác có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành;

d) Các nội dung phân cấp, giao nhiệm vụ khác được thực hiện theo các quy định có liên quan của HĐQT.

3. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng và phê duyệt đề Tổng Giám đốc giao kế hoạch kinh doanh hàng năm cho từng đơn vị thành viên Ngân hàng.

## **Chương VIII**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác**

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

#### **Điều 32. Mối quan hệ với Ban kiểm soát**



1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

4. HĐQT bảo đảm tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

### **Điều 33. Mối quan hệ với Ban điều hành**

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. HĐQT quyết định cơ cấu Ban điều hành phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Ngân hàng. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Ngân hàng thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

4. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Ngân hàng.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban có liên quan tham dự họp,



báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

7. Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Hàng quý, HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý; trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.

9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

#### **Điều 34. Mọi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

#### **Điều 35. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, thành viên

HDQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;

b) Tổng kết các cuộc họp của HDQT và các nghị quyết, quyết định của HDQT;

c) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HDQT về hoạt động của HDQT (nếu có);

d) Hoạt động của các Ủy ban thuộc HDQT;

e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;

f) Các kế hoạch trong tương lai.

2. Hàng năm, HDQT yêu cầu thành viên độc lập HDQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HDQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

## **Chương IX**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế**

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HDQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**BẢNG 2 - RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
<b>A</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH – CĂN CỨ</b>			
		<p>Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 16/BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023</p>	<p>Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày <b>18/01/2024</b> 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;</p> <p><del>Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</del></p> <p>Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông <b>bất thường năm 2024</b> của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số <b>.../BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2024</b></p>	<p>Chỉnh sửa căn cứ văn bản Luật Các Tổ chức tín dụng mới ban hành năm 2024 (Luật TCTD 2024) ban hành thay thế Luật Các Tổ chức tín dụng ban hành năm 2010 (Luật TCTD 2010).</p> <p>Bỏ Thông tư 13 do không quy định trực tiếp.</p> <p>Cập nhật thông tin về Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ khi văn bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>
<b>B</b>	<b>NỘI DUNG QUY CHẾ</b>			
1.	Điều 2	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	- Bỏ "Giám đốc Khỏi" do theo quy định tại Điều lệ VCB, Giám đốc



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	<del>Giám đốc Khối</del> , Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	khôi là Thành viên Ban điều hành.
2.	Điều 3	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.</li> <li>- HĐQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng.</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị Ngân hàng.</li> <li>- Người phụ trách quản trị Ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại</li> </ul>	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.</li> <li>- HĐQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng.</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị Ngân hàng.</li> <li>- Người phụ trách quản trị Ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 20 Quy chế này.</li> </ul>	Bổ sung một số từ viết tắt: " <i>Đơn vị trong hệ thống Ngân hàng</i> ", " <i>Điều lệ</i> " để làm rõ thông tin.



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>Điều 20 Quy chế này.</p> <p>Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Điều lệ Ngân hàng).</p>	<p>- <b>Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.</b></p> <p>Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Điều lệ Ngân hàng).</p>	
3.	Điều 5	<p><b>Điều 5. Hội đồng quản trị</b></p> <p>HDQT là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 5. Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Hội đồng quản trị</b> (HDQT) là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Điều 43.1 Dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB và Điều 50.1 Luật các TCTD năm 2024
4.	Điều 6 Khoản 1	<p><b>Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên HDQT không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Số lượng thành viên HDQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HDQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành.</p>	<p><b>Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên HDQT <b>không ít hơn tối thiểu</b> 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập; số lượng thành viên HDQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p><del>HDQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành.</del></p> <p><b>Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành</b></p>	Sửa đổi để phù hợp với Điều 43.2 Dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB và Điều 69.1 Luật các TCTD năm 2024





STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người</b> Người điều hành Ngân hàng.</p> <p>Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
5.	Điều 6 Khoản 2	<p><b>Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước</p>	<p><b>Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện <b>phần</b> vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá <b>1/3 (một phần ba) tổng số 02 (hai) thành viên HĐQT của Ngân hàng</b>, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, <b>bên nhận chuyển giao bắt buộc.</b></p>	Sửa đổi để phù hợp với Điều 43.3 Dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB và Điều 69.3 Luật các TCTD năm 2024
6.	Điều 6 Khoản 2	<p><b>Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của</p>	<p><b>Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ <del>2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm</del></p>	Sửa đổi để phù hợp với Điều 52.4 Dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB và Điều 50.2 Luật các TCTD năm



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.	<del>kỳ hoặc không đủ số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT. Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.</del>	2024
7.	Điều 7	<b>Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</b> Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	<b>Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</b> Nhiệm kỳ của HĐQT là <b>không quá 05 (năm) năm</b> . Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</b> <b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng không quá 02</b>	Sửa đổi để phù hợp với Điều 43.4 Dự thảo Điều lệ sửa đổi của VCB và Điều 69.2 Luật các TCTD năm 2024

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			nhiệm kỳ liên tục.	
8.	Điều 8	<p><b>Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. HDQT có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Trình Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông gồm:</p> <p>(i) Định hướng phát triển của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>(iii) Tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>(iv) Các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>(v) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;</p> <p>(vi) Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p>	<p><b>Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. HDQT có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Trình Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;</p> <p><b>a) b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông gồm:</b></p> <p>(i) <b>Thông qua</b> định hướng phát triển của Ngân hàng;</p> <p>(ii) <b>Thông qua Điều lệ</b>, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>(iii) <b>Thông qua phương án thay đổi Tăng, giảm mức vốn điều lệ của Ngân hàng;</b></p> <p>(iv) <b>Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán Các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</b></p> <p>(v) <b>Thông qua phương án</b> Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, <b>phương án phát hành và trái</b></p>	<p>Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 44 Dự thảo Điều lệ sửa đổi</p>



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>(vii) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>(viii) Tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>(ix) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>c) Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;</p> <p>d) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;</p> <p>e) Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật;</p> <p>f) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;</p> <p>g) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản của Ngân hàng có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ khác có giá trị đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân</p>	<p>phiếu kèm theo chứng quyền;</p> <p>(vi) <b>Thông qua</b> phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>(vii) <b>Thông qua</b> báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>(viii) <b>Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng</b>, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>(ix) <b>Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;</b></p> <p>(x) <b>Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;</b></p> <p>(xi) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>b) Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;</p> <p>c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ;</p> <p>h) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>i) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>j) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;</p> <p>k) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng;</p> <p>m) Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại</p>	<p>và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng:</p> <p>d) Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật;</p> <p>e) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;</p> <p>f) <b>Thông qua</b> Quyết định đầu tư, giao-dịch mua, bán chuyển-nhuợng tài sản của Ngân hàng <b>mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị dưới 20% từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc một tỷ lệ khác có giá trị đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ;</b></p> <p>g) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Điều lệ</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;</p> <p>n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;</p> <p>o) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát;</p> <p>p) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q) Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;</p>	<p>Ngân hàng;</p> <p>h) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <b>phần vốn góp của Ngân hàng tại của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà có giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng;</b></p> <p>i) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;</p> <p><b>(j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</b></p> <p>k) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng;</p> <p>m) Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với</p>	





STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>r) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;</p> <p>s) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng. Thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;</p> <p>t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm tài chính;</p> <p>u) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>v) Quyết định thanh lý tài sản và mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;</p> <p>w) Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn</p>	<p>Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;</p> <p>n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;</p> <p>o) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát;</p> <p>p) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật <b>có liên quan</b>, trừ những vấn đề <b>nội dung</b> thuộc thẩm quyền của <del>Ban kiểm soát</del> và Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q) Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng</p>	





STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;</p> <p>x) Quyết định việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ;</p> <p>y) Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ);</p> <p>z) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p>	<p>ngừa rủi ro của Ngân hàng;</p> <p>r) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên của Ngân hàng và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật;</p> <p>s) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng. Thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;</p> <p>t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm tài chính;</p> <p>u) Duyệt chương trình, <b>kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình</b>, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến <b>cổ đông</b> bằng văn bản để thông qua <b>nghị quyết</b>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>v) Quyết định thanh lý tài sản và mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p>w) Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật <b>Kiểm nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</b></p> <p>x) Quyết định việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ;</p> <p>y) Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ);</p> <p><b>z. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;</b></p> <p><b>aa. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;</b></p> <p><b>bb. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của</b></p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p>Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;</p> <p>cc. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</p> <p>dd) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p>	
9.	Điều 9	<p><b>Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác</b></p> <p>1. HDQT tổ chức cuộc họp định kỳ để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề dưới đây thuộc thẩm quyền của HDQT:</p> <p>a) Các vấn đề mà HDQT phải trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>b) Phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng có thời hạn từ 1 năm trở lên;</p> <p>c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;</p> <p>d) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản của Ngân hàng có giá</p>	<p><b>Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác</b></p> <p>1. HDQT tổ chức cuộc họp định kỳ để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề dưới đây thuộc thẩm quyền của HDQT:</p> <p>a) Các vấn đề mà HDQT phải trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b a khoản 1 Điều 44 Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>b) Phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng có thời hạn từ 1 năm trở lên;</p> <p>c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;</p> <p>d) <b>Thông qua</b> quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản <b>cổ định</b> của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cổ</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 44 dự thảo Điều lệ



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>trị trên 15% đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>e) Quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị trên 15% đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>f) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trụ sở chính và công ty con của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng;</p>	<p><b>định có giá trị trên 15% đến có giá trị từ 10% đến 20% vốn điều lệ trở lên được của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, giao-dịch mua, bán, chuyển-nhượng tài sản cố định của Ngân hàng quy định tại điểm f Điều 32 của Điều lệ này thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>e) Quyết định <b>Thông qua</b> phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <b>phần vốn góp của Ngân hàng tại</b> của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, <b>phần vốn góp</b> có giá trị trên 15% đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>f) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trụ sở chính và công ty con của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, <b>Giám đốc Khối</b> của Ngân hàng;</p>	
10.	Điều 10	<b>Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 45 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>1. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.</p> <p>3. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp của HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của HĐQT.</p> <p>4. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.</p> <p>5. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ</p>	<p>1. <b>Làm</b> chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, <b>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</b></p> <p>3. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp của HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT Triệu tập và <b>làm</b> chủ tọa cuộc họp của HĐQT.</p> <p><b>4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</b></p> <p>5. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; <b>giám sát, tổ chức thực hiện</b> giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định đó của <b>Hội đồng quản trị.</b></p> <p>6. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến <b>và có đủ thời gian thảo luận</b> các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.</p> <p>8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công</p>	





STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>tịch HĐQT.</p> <p>8. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.</p> <p>9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.</p> <p>10. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các uỷ ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>11. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập khác của HĐQT.</p> <p>12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật</p>	<p>nhiệm vụ <b>cụ thể</b> cho <b>mỗi</b> thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>9. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện <del>các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ</del> <b>quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.</b></p> <p>10. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.</p> <p>11. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các uỷ ban của HĐQT <del>tối thiểu mỗi năm một lần</del> <b>định kỳ hàng năm</b> và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>12. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập khác của HĐQT.</p> <p>13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật</p>	
11.	Khoản 1	<b>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm</b>	<b>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của</b>	Chính sửa lại cho phù hợp với



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
	Điều 11	<p><b>của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và cổ đông;</p> <p>c) Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Ban điều hành, Người điều hành khác, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>e) Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>f) Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực</p>	<p><b>thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của Ppháp luật và Điều lệ Ngân hàng</p> <p>b) Thực hiện <b>quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình các quyền và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và cổ đông;</b></p> <p>c) <b>Xem xét báo cáo kiểm toán</b> Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Ban điều hành, Người điều hành <b>Ngân hàng</b> khác, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, <b>làm rõ</b> các vấn đề có liên quan đến báo cáo;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch</p>	Điều 46 Dự thảo Điều lệ sửa đổi



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;</p> <p>g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;</p> <p>h) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;</p> <p>i) Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;</p> <p>j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>k) Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm</p>	<p>HDQT và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>e) <del>Yêu cầu</del> <b>Đề nghị</b> Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>f) Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;</p> <p>g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;</p> <p>h) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, <b>thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật</b> <del>có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích.</del> Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình. <b>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành</b></p>	





STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>l) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;</p> <p>m) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc;</p> <p>n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p>	<p><del>viên đó không được tham gia biểu quyết.</del></p> <p><b>Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, e, f, g, h, j, n, p, q, r, w khoản 1 Điều 8 Quy chế này;</b></p> <p>i) <del>Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;</del></p> <p>j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>k) Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>l) <del>Có trách nhiệm</del>Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;</p> <p>m) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p>thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc;</p> <p>n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p>	
12.	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 12	<p><b>Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của Pháp luật;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối</p>	<p><b>Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng <del>có</del> đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) <del>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p>b) <del>Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của Pháp luật;</del></p> <p>c) Có <del>bằng</del> trình độ đại học trở lên;</p> <p>d) Có <b>một trong các điều kiện sau đây</b>: ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; <del>hoặc</del> có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, <del>người điều hành của</del></p>	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 48 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.</p> <p>2. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, trừ các khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p>	<p>doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước và trung thực.</p> <p>2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;</p> <p>b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm</p>	

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.</p>	<p><b>soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</b></p> <p>3. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, trừ các khoản <del>phụ cấp</del> <del>thù lao</del> của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc <b>kiểm soát viên</b>, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng <del>Không trực tiếp, gián tiếp sở</del></p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
			<p><del>hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</del></p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.</p> <p>f) Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>(i) Người điều hành Ngân hàng;</p> <p>(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</p> <p>(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</p>	
13.	Khoản 1 Điều 14	<p><b>Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo</p>	<p><b>Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Thuộc một trong các trường hợp không</p>	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>e) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
14.	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 15	<p><b>Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý</p>	<p><b>Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 14 Quy chế này, Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Dự thảo Điều lệ sửa đổi



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		<p>do xin từ chức) gửi HDQT và được chấp thuận;</p> <p>c) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối với thành viên độc lập HDQT;</p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HDQT;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên HDQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Trường hợp số thành viên HDQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60</p>	<p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HDQT và được chấp thuận;</p> <p>c) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối với thành viên độc lập HDQT;</p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HDQT;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên HDQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p><b>b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này;</b></p> <p><b>c) Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</b></p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		(sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.	3. Trường hợp số thành viên HĐQT có số thành viên ít hơn không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT Ngân hàng phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên HĐQT tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.	
15.	Khoản 1 Điều 16	<p><b>Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau:</p> <p>a) Ủy ban quản lý rủi ro;</p> <p>b) Ủy ban nhân sự;</p> <p>c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.</p> <p>Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điểm c, khoản 4:</p> <p>c) HĐQT, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ</p>	<p><b>Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau:</p> <p>a) Ủy ban quản lý rủi ro;</p> <p>b) Ủy ban nhân sự;</p> <p>c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.</p> <p><del>Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</del></p> <p>Điểm c, khoản 4:</p> <p>c) HĐQT, khi thành lập các Ủy ban, HĐQT phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới</p>	<p>Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 53 Dự thảo Điều lệ sửa đổi</p> <p>Sửa lỗi chính tả</p>



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
		này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo <b>theo đúng thời hạn theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.</b>	
16.	Điều 33	<p><b>Điều 33. Mỗi quan hệ với Ban điều hành</b></p> <p>7. Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và Người điều hành khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.</p>	<p><b>Điều 33. Mỗi quan hệ với Ban điều hành</b></p> <p>7. Ban điều hành và Người điều hành khác <b>Ngân hàng</b> chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và Người điều hành <b>Ngân hàng</b> khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời</p>	Chính sửa lại cho phù hợp với định nghĩa các chức danh quy định tại Điều 1 Điều lệ.
17.	Điều 35	<p>Tiết e, khoản 1:</p> <p>Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác</p>	Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác <b>Ngân hàng.</b>	